

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/DS-ST
Ngày: 30 - 6 - 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Tìl

2. Ông Phan Tấn Lac

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2025/TLST - DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 300/2025/QĐST-DS ngày 12/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số ABC khu vực X, phường CVL, quận OM, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TPA, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tr H, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TBA2, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Vào ngày 09/9/2009 ông Nguyễn Tr H có đi cùng bà Nguyễn Ngọc T đến nhà bà, ông H giới thiệu cho bà T vay tiền của bà. Vì quen biết ông H nên bà đồng ý cho bà T vay số tiền 30.000.000 đồng. Lãi suất thỏa Thận 3%/tháng (mỗi tháng 900.000 đồng). Bà giao 30.000.000 đồng cho ông H để ông H giao cho bà T. Sau đó, bà T có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hây đứng tên cho bà giữ. Tuy nhiên, sau đó bà T mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không giao lại cho bà. Từ khi vay đến nay bà T chỉ trả tiền lãi 02 tháng và ngưng trả cho đến nay. Bà có yêu cầu ông H đòi tiền bà T trả nợ cho bà nhưng do có thời gian bà T chấp hành án nên không đòi được. Đến năm 2024 thì ông H cho rằng chỉ làm xe ôm chở bà T đến vay tiền của bà và không đồng ý đòi tiền bà T cho bà nên bà có khởi kiện ông H. Tuy nhiên, nhiều lần Tòa án triệu tập ông H không đến nên bà đã rút đơn khởi kiện ông H. Tại tờ tường trình có xác nhận của trưởng ấp TPA, bà T thừa nhận có nhờ ông H “hỏi giùm” 30.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả cho bà, chỉ đồng ý trả cho ông H. Nay ông H cũng không đồng ý kiện đòi nợ để trả cho bà. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc bà T trả số tiền 30.000.000 đồng đã vay của bà (thông qua ông H). Đồng thời, bà chỉ yêu cầu tiền lãi phát sinh 20.000.000 đồng (từ khi vay đến nay), không yêu cầu thêm.

Bà Nguyễn Ngọc T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Tr H trình bày: Ông không nhớ thời gian nào, ông có chở bà T đến nhà bà Th đề bà T vay tiền của bà Th. Ông không làm trung gian cũng không lấy tiền hoa hồng, chỉ lấy tiền chạy xe ôm. Có vài lần bà T gửi tiền nhờ ông trả lãi cho bà Th nhưng vì bỏ trong bì thư nên ông không rõ bao nhiêu. Ông khẳng định số tiền 30.000.000 đồng mà bà T viết trong tờ tường trình ngày 10/01/2025 chính là số tiền bà T vay của bà Th, không phải tiền ông cho vay. Ông yêu cầu bà T trả tiền trực tiếp cho bà Th. Ông không yêu cầu gì trong vụ án này vì số tiền tranh chấp không phải là tiền của ông. Đồng thời, ông H yêu cầu giải quyết vắng mặt ông.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Th, khởi kiện yêu cầu giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn bà Nguyễn Ngọc T, trú tại ấp TPA, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Trần Thị Th xác định có cho bà Nguyễn Ngọc T vay số tiền 30.000.000 đồng thông qua người Tr gian là ông Nguyễn Tr H. Ông H xác định có chở bà T đến nhà bà Th để vay số tiền 30.000.000 đồng. Bà T vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Tuy nhiên, bà Th giao nộp chứng cứ là tờ tường trình và xác định do bà T tự viết giao cho ban nhân dân ấp TPA, bà được trưởng ấp TPA giao lại tờ tường trình đó. Tại các biên bản xác minh ngày 23/5/2025 bà Dương Thị Lệ T1 (trưởng ấp TPA) và ông Nguyễn Thế Tr (trưởng ban mặt trận ấp TPA) xác định tờ tường trình do bà Nguyễn Ngọc T tự viết, có sự chứng kiến của bà T1 và ông Tr.

Căn cứ nội dung tờ tường trình do bà T viết gửi ban nhân dân ấp TPA, bà T thừa nhận “Tôi có nhờ chú bảy H hỏi giùm (tức là vay dùm) 30 triệu” “tôi đóng lãi 2 tháng, 1 tháng 3 triệu cho ông bảy H”. Nội dung tường trình phù hợp với lời trình bày của ông H và bà Th. Đủ căn cứ xác định, bà T có vay của bà Th

số tiền 30.000.000 đồng, đã trả lãi 02 tháng và ngưng cho đến nay. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th về việc buộc bà T trả số tiền vay 30.000.000 đồng.

[4] Về yêu cầu bà T trả số tiền lãi từ khi vay đến nay bằng số tiền 20.000.000 đồng. Vì giữa bà Th và bà T không lập hợp đồng vay tài sản, không thỏa Thuận lãi suất bằng văn bản, bà Th xác định lãi suất 3%/tháng, bà T không có văn bản thừa nhận có sự thỏa Thuận này. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này trên số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả”*. Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa Thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này”*. Khoản 1 Điều 468 quy định lãi suất thỏa Thuận không vượt quá 20%/năm. Như vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận yêu cầu về việc tính lãi suất của bà Th với mức lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng). Tại tờ tường trình của mình, bà T xác định thời gian vay “khoảng vào năm 2009”, bà Th xác định vào khoảng tháng 9 năm 2009, không xác định chính xác vào ngày nào. Tính từ tháng 9/2009 đến tháng 6/2025 tương đương 14 năm 06 tháng $\times 8,83\%/tháng = 144.420.000$ đồng. Nay bà Th chỉ yêu cầu bà T trả số tiền lãi 20.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà Th, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên được chấp nhận.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải nộp án phí.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 157; Điều 429; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th. Buộc bà Nguyễn Ngọc T trả cho bà Trần Thị Th tổng số tiền 50.000.000 đồng (nợ gốc 30.000.000 đồng, lãi 20.000.000 đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Ngọc T phải nộp 2.500.000 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL. Bà Trần Thị Th không phải nộp.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện TL;
- TAND TPCT;
- Cơ quan THA huyện TL;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Lưu: HS; VT-TA.*

Đỗ Ngọc Diễm